

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, Ngày 28 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024

BẢNG CÔNG BỐ CÔNG KHAI

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH TỪ 01/01/2024 ĐẾN 31/12/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XUẤT NHẬP KHẨU ĐẮK LẮK

(ĐÃ KIỂM TOÁN)

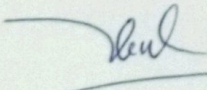
Đơn vị tính: VN đồng

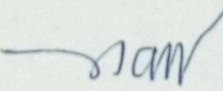
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	SỐ CUỐI NĂM 31/12/2024	SỐ ĐẦU NĂM 01/01/2024
A	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH			
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100 BCĐKT	22.311.606.219	16.859.922.629
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110 BCĐKT	5.564.880.908	3.251.382.469
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120 BCĐKT	5.128.528.517	2.938.724.672
3	Các khoản phải thu	130 BCĐKT	9.870.033.143	10.237.905.849
4	Tài sản ngắn hạn khác	150 BCĐKT		169.578.904
5	Hàng tồn kho	140 BCĐKT	1.748.163.651	262.330.735
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	200 BCĐKT	84.679.612.524	89.496.990.557
1	Tài sản cố định	220 BCĐKT	27.261.433.408	27.772.327.989
	- Nguyên giá	222+228 BCĐKT	46.787.348.668	48.054.520.412
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223+229 BCĐKT	(19.525.915.260)	(20.282.192.423)
2	Bất động sản đầu tư	230 BCĐKT	1.905.293.681	1.905.293.681
	- Nguyên giá	231 BCĐKT	1.990.811.681	1.990.811.681
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232 BCĐKT	(85.518.000)	(85.518.000)
3	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250 BCĐKT	42.319.192.159	44.568.792.159
4	Tài sản dài hạn khác	210,260 BCĐKT	13.193.693.276	15.250.576.728
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		106.991.218.743	106.356.913.186
III	NỢ PHẢI TRẢ	300 BCĐKT	179.158.534.523	179.263.344.272
1	Nợ ngắn hạn	310 BCĐKT	715.920.586	817.730.335
2	Nợ dài hạn	330 BCĐKT	178.442.613.937	178.445.613.937
IV	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400 BCĐKT	(72.167.315.780)	(72.906.431.086)
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411 BCĐKT	70.000.000.000	70.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412 BCĐKT	14.568.115.867	14.568.115.867
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		106.991.218.743	106.356.913.186
B	KẾT QUẢ KINH DOANH		NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	01+21+31 BCKQKD	17.512.931.500	18.247.065.544
	Trong đó:- DT bán hàng và cung cấp dịch vụ		16.820.474.491	17.103.022.586
	- DT hoạt động Tài chính và Thu nhập khác		692.457.009	1.144.042.958
2	Tổng chi phí	11+22+24+25 +32 BCKQKD	16.553.095.977	16.785.155.504
3	Thuế TNDN hiện hành	51 BCKQKD	156.600.217	194.439.060
4	Lợi nhuận	(=1-2-3)	803.235.306	1.267.470.980

Người lập biểu

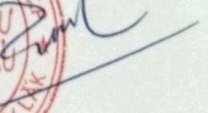
Kế toán Trưởng

Tổng Giám đốc


Trương Thị Lệ Nhi


Nguyễn Thị Nga




Văn Nữ Ngọc Nga